TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 30/10/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Minh và ông Lương Ngọc Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 09/7/2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Thân Thị M, sinh năm 1960 *(có mặt)*
2. *Bị đơn*: Anh Dương Văn T, sinh năm 1988 *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, bà Thân Thị M trình bày:*

Bà và anh T là người cùng thôn và có quan hệ họ hàng nên bà có cho anh T vay tiền để đảo sổ ngân hàng. Khi vay anh T có viết giấy biên nhận và đến hạn thanh toán anh T có trả cho bà được một ít và xin khất nợ số tiền còn lại là 30.000.000 đồng. Ngày 01/12/2018 anh T có viết giấy biên nhận vay tiền và hẹn sẽ trả hết cho bà vào ngày 15/2/2019. Đến hạn anh T không trả, bà đòi nhiều lần thì anh T chỉ khất nợ. Nay bà yêu cầu anh Dương Văn T phải trả cho bà 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/02/2019 đến ngày 15/10/2019, từ ngày 16/10/2019 đến ngày xét xử bà không yêu cầu tính lãi.

** Theo bản tự khai tại hồ sơ, bị đơn là anh Dương Văn T trình bày:*

Năm 2018 do là người cùng làng nên anh có vay của bà M số tiền 30.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình. Khi vay anh có viết giấy biên nhận vay tiền cho bà M. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên khi bà M đòi tiền anh không có trả và đã nhiều lần xin khất nợ. Nay bà M khởi kiện yêu cầu anh phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định, anh hứa sẽ trả đầy đủ cho bà M và đề nghị cho anh một thời gian để thu xếp, khi có tiền anh sẽ thanh toán đầy đủ cho bà M.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và hai bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 27, các Điều 385, 429, 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468, 470 Bộ luật dân sự; để:

Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm trả bà M tổng số tiền là 32.000.000 đồng, trong đó gốc là 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm tính từ 15/2/2019 đến 15/10/2019 là 2.000.000 đồng.

Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để: Buộc anh T phải chịu 1.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Dương Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[1.2] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 01/12/2018 bà Thân Thị M có cho anh Dương Văn T vay 30.000.000 đồng, khi vay anh T có lập giấy biên nhận vay tiền với nội dung anh vay của bà M 30.000.000 đồng và thỏa

thuận thời hạn trả làm 3 lần vào các ngày 15/12/2018, 15/01/2019 và 15/02/2019, mỗi lần trả 10.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các bên đương sự đều cư trú tại xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Áp dụng pháp luật: Giao dịch các bên thực hiện vào ngày 01/12/2018. Do đó, cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan tại thời điểm các bên giao dịch để giải quyết vụ án.

[1.4] Thời hiệu khởi kiện: Giấy biên nhận vay tiền được các bên xác lập vào ngày 01/12/2018, thời hạn hai bên thỏa thuận thanh toán cho nhau lần cuối cùng là ngày 15/02/2019. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án là hai năm kể từ ngày biết quyền và nghĩa vụ của mình bị xâm hại (ngày 15/02/2019) nên ngày 09/7/2019, bà Thân Thị M khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Nội dung vụ án: Giấy biên nhận vay tiền ngày 01/12/2018 và lời khai của các bên thể hiện: Ngày 01/12/2018 anh Dương Văn T có vay bà Thân Thị M 30.000.000đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền làm 3 đợt, mỗi đợt thanh toán 10.000.000 đồng; cụ thể: Lần 1 thanh toán vào ngày 15/12/2018, Lần 2 thanh toán vào ngày 15/01/2019, Lần 3 thanh toán vào ngày 15/02/2019; không thỏa thuận về lãi suất; Giấy biên nhận vay tiền do anh T viết. Đến hạn thanh toán bà M đòi anh T không trả mà chỉ xin khất nợ.

Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu anh T phải trả bà 30.000.000 đồng tiền gốc, và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ 15/2/2019 đến 15/10/2019, còn tiền lãi kể từ ngày 15/10/2019 cho đến khi xét xử xong vụ án bà M không yêu cầu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị M thì thấy: Ngày 01/12/2018 giữa bà Thân Thị M và anh Dương Văn T có xác lập một giao dịch dân sự về việc vay tài sản. Khi xác lập giao dịch này giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc và không vi phạm điều cấm. Giấy biên nhận vay tiền do anh T lập thể hiện đầy đủ nội dung về số tiền vay, thời hạn thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp.

Đến hạn thanh toán anh T không trả nên bà M yêu cầu anh T phải trả 30.00.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã có bản tự khai nêu ý kiến của anh đồng ý trả nợ cho bà M số tiền 30.000.000 đồng, tuy nhiên tại buổi hòa giải anh T vắng mặt nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

Đối với yêu cầu tính lãi thì thấy: Tại giấy biên nhận vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn trả cuối cùng là ngày 15/02/2019,

hết thời hạn này anh T không trả thì theo quy định khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự anh T phải trả lãi tính từ ngày 16/02/2019 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: *"bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm)"*, nghĩa là bằng 10%/năm (0,8333%/tháng). Tuy nhiên, do bà M chỉ yêu cầu tính lãi 08 tháng nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của bà M.

Như vậy, số tiền lãi được tính như sau: 30.000.000đồng x 0,8333%/tháng x 8 tháng = 2.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị M đối với anh Dương Văn T. Buộc anh Dương Văn T phải trả bà Thân Thị M 30.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi.

[5] Án phí: Vụ án này xảy ra do lỗi của anh Dương Văn T nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 429, Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị M.

2. Buộc anh Dương Văn T phải trả cho bà Thân Thị M 30.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi, tổng cộng là 32.000.000đ *(Ba mươi hai triệu đồng chẵn)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hàn án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 1.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Tân Thịnh